TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 132/2017/DS-ST
Ngày: 28/9/2017
"V/v tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Minh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Hồ Đắc Toàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Chánh – Thư ký TAND thành phố Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:*** Ông Trần An Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2015/TLST–DS ngày 02 tháng 12 năm 2015 về việc tranh chấp "Chia di sản thừa kế và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 của TAND thành phố Q, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*
1/ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950
Cư trú: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.
Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 (Có mặt)
Cư trú: Tổ 4, khu vực 7, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 15.7.2016)
2/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964
Cư trú: thôn Bình An, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.
Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 (Có mặt)
Cư trú: Tổ 4, khu vực 7, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 15.7.2016)
3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Có mặt)
Cư trú: Tổ 3, KV8, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định
4/ Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 4, KV7, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định

5/ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1984 (Có mặt)

Cư trú: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

** Bị đơn:*Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1971(Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, KV8, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1930 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, KV8, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, KV8, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định

3/ Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, KV8, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định

4/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1960

Cư trú: Tổ 4, KV7, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 4, khu vực 7, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định

(Theo văn bản ủy quyền ngày 8.12.2016

5/ Ông Thái Công L, sinh năm 1972. (Có mặt)

Cư trú: Tổ 3, KV8, Phường X, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 19.10.2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09.01.2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23.11.2015, đơn yêu cầu ngày 27.4.2015 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Hữu P là người đại diện của bà Nguyễn Thị Q trình bày*:** Cha mẹ của bà là cụ ông Nguyễn H và cụ bà Đồng Thị C có ba người con gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; Nguyễn Thị S, sinh năm 1964 và Nguyễn Hữu H, sinh năm 1953. Ông Nguyễn Hữu H đã chết năm 1984 có vợ là Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1960 và hai con là Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1984. Năm 1961 cụ bà Đồng Thị C chết. Năm 1965 cụ ông Nguyễn H cưới mẹ kế là cụ bà Nguyễn Thị C sinh được ba người con gồm các ông, bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Nguyễn Hữu L, sinh năm 1974 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.

Khoảng năm 1975 gia đình cụ Cụ Nguyễn H khai hoang được tổng cộng 9.908,1m^2 (gồm: 200 m^2 đất thổ cư; 4643,6 m^2 đất vườn; 1807,2m^2 đất màu; 3257,3m^2 đất lúa) tại Tổ 03, Khu vực 8, phường B, thành phố Q đã được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 ngày 16/12/1997 cho hộ gia đình ông Nguyễn H gồm 05 nhân khẩu: ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L. Khi còn sống vợ chồng cụ Cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C có làm hợp đồng ngày 16/11/2001 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Thái Công L 300m^2 đất vườn và

viết giấy ngày 22/7/2000 cho anh Nguyễn Hữu P 569,3m^2 đất ruộng cả hai loại giấy cho đất đều có xác nhận của UBND phường B

Cụ Cụ Nguyễn H chết năm 2011. Di sản của cụ Cụ Nguyễn H chết để lại là 1/5 phần đất đã cấp cho hộ gia đình (trừ phần đất cụ Cụ Nguyễn H đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L ông Thái Công L và anh Nguyễn Hữu P). Ngoài ra, cụ Cụ Nguyễn H còn để lại ½ ngôi nhà cấp 4 trên đất do cụ Cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C xây dựng năm 1975, hiện nay do cụ Nguyễn Thị C và vợ chồng ông Nguyễn Hữu L đang ở.

Cụ Đồng Thị C chết năm 1961 không để lại di sản.

Di sản của cụ Cụ Nguyễn H để lại do ông Nguyễn Hữu L đang quản lý sử dụng. Nay bà Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ phần đất của cụ ông Nguyễn H chết để lại (sau khi trừ phần đất cụ Cụ Nguyễn H đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Thái Công L và cháu Nguyễn Hữu P), bà không yêu cầu chia thừa kế căn nhà cấp 4 trên đất. Bà yêu cầu chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Riêng bà Nguyễn Thị L có thêm yêu cầu được chia phần tài sản chung được hưởng bằng 1/5 diện tích đất đã cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn H trong đó có bà Nguyễn Thị L là thành viên trong hộ gia đình được cấp đất, bà Nguyễn Thị Q yêu cầu tòa giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu L đưa ra 01 bản di chúc photo và bà Nguyễn Thị L đưa ra 01 bản di chúc photo. Nhưng 02 bản di chúc photo có nội dung khác nhau, và cả 02 bản di chúc đưa ra đều không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có người làm chứng và trên 02 di chúc không ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2006 và chữ viết trên di chúc không phải của cụ Cụ Nguyễn H nên di chúc không hợp pháp, bà yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Hữu P là người đại diện của bà Nguyễn Thị S trình bày*:** Bà thống nhất với toàn bộ lời khai của bà Nguyễn Thị Q, không có bổ sung gì thêm.

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày*:** Bà thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị S về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày cha chết, tài sản của cha để lại khi chết, đất đã cho anh Nguyễn Hữu P 569,3m^2 và bà đã nhận 300m^2 đất vườn do cha mẹ cụ Cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C làm hợp đồng cho vợ chồng bà ngày 16/11/2001 có xác nhận của UBND phường B.

Bà yêu cầu chia thừa kế giống như bà Nguyễn Thị Q yêu cầu và bà có thêm yêu cầu tòa giải quyết chia phần tài sản chung bà được hưởng bằng 1/5 diện tích đất đã cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn H gồm 05 nhân khẩu trong đó có cá nhân bà theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 ngày 16/12/1997.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L có đưa ra bản photo di chúc, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có người làm chứng và trên di chúc không ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2006, tòa đã yêu cầu bà cung cấp di chúc bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật

nhưng bà Nguyễn Thị L không cung cấp được vì bản gốc đã thất lạc hiện nay không còn.

Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K cùng thống nhất trình bày: Anh chị thống nhất với toàn bộ lời khai của bà Nguyễn Thị Q.

Anh chị có trình bày thêm: Anh Nguyễn Hữu P đã nhận 569,3m^2 đất ruộng do ông nội Nguyễn H và bà nội Nguyễn Thị C viết giấy cho ngày 22/7/2000 có xác nhận của UBND phường B. Anh chị là con ruột của ông Nguyễn Hữu H chết năm 1984 nên anh chị được hưởng phần thừa kế thế vị của cha được hưởng nếu cha anh chị còn sống.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: Ông thống nhất với lời khai của các nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày cha chết, đất đã cho anh Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị L và diện tích đất đã cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp số 00326 ngày 16/12/1997 là đúng.

Ngoài ra, ông còn trình bày thêm cha ông còn cho ông trên 1.000m^2 đất màu. Diện tích đất còn lại bà Nguyễn Thị C đang quản lý sử dụng. Lúc còn sống cha mẹ ông đã cho các anh chị em rồi, nay bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị K yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông Nguyễn H chết để lại ông không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông có đưa ra bản photo di chúc, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có người làm chứng và trên di chúc không ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2006, tòa đã yêu cầu ông cung cấp di chúc bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật nhưng ông không cung cấp.

Ngoài ra, Tòa cũng yêu cầu ông cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông chỉ cung cấp được bản photo (BL 68)

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ bà Nguyễn Thị C trình bày: Cụ thống nhất với lời khai của các nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày chồng cụ Nguyễn H chết và diện tích đất đã cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp số 00326 ngày 16/12/1997 cho hộ gia đình ông Nguyễn H là đúng.

Ngoài ra, cụ còn trình bày thêm lúc cụ Cụ Nguyễn H còn sống có cho Nguyễn Thị L 500m^2, chị Nguyễn Thị L 500m^2, anh Nguyễn Hữu L 1128,6m^2 và cháu Nguyễn Hữu P 569m^2. Diện tích đất còn lại cụ đang quản lý sử dụng. Nay bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị K yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Nguyễn H chết để lại cụ không đồng ý.

Tòa cũng yêu cầu cụ cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ không cung cấp.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ N trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Hữu L, bà kết hôn với ông Nguyễn Hữu L năm 1993, cha chồng là cụ Nguyễn H chết năm 2011. Từ khi kết hôn bà sống với ông Nguyễn Hữu L trên đất và nhà do cha chồng để lại, vợ chồng bà có đổ đất nền trên thửa đất mà cha chồng đã cho vợ chồng bà. Ngoài ra, vợ chồng bà không có tu tạo sửa chữa gì thêm.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị S về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày cha chết, tài sản của cha để lại khi chết, đất đã cho anh Nguyễn Hữu P vợ chồng bà Nguyễn Thị L và diện tích đất đã cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp số 00326 ngày 16/12/1997 là đúng. Đất còn lại do ông Nguyễn Hữu L quản lý đến nay chưa cho thêm ai, bà cũng chưa được cho.

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ phần đất của ông Nguyễn H chết để lại trừ đi phần đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Hữu P, không yêu cầu chia thừa kế căn nhà trên đất, bà đồng ý.

Riêng bà Nguyễn Thị L có yêu cầu được chia phần tài sản chung được hưởng bằng 1/5 diện tích đất đã cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn H trong đó có bà Nguyễn Thị L là thành viên trong hộ gia đình, bà yêu cầu tòa giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu L đưa ra 01 bản di chúc photo và bà Nguyễn Thị L đưa ra 01 bản di chúc photo. Cả 02 di chúc photo không có ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2006 nên không biết cái nào có trước, di chúc không có người làm chứng không có xác nhận cơ quan có thẩm quyền, nên 02 di chúc không hợp pháp, bà yêu cầu tòa chia di sản theo pháp luật không chia theo di chúc.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Công L trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị L, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị L năm 2000, cha vợ là cụ Nguyễn H chết năm 2011. Năm 2000 cha mẹ vợ (cụ Cụ Nguyễn H, cụ Nguyễn Thị C) có cho vợ chồng ông 300m^2 đất vườn và làm hợp đồng cho đất ngày 16/11/2001, vợ chồng ông xây nhà ở trên đất từ năm 2000 đến nay.

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ phần đất của ông Nguyễn H chết để lại trừ đi phần đã cho vợ chồng ông và cháu Nguyễn Hữu P, ông là rễ nên không có ý kiến gì. Ông chỉ yêu cầu tòa giải quyết bảo đảm quyền lợi cho vợ ông Nguyễn Thị L.

***Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hữu P là người đại diện của bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:** Bà là vợ ông Nguyễn Hữu H, bà kết hôn với ông Nguyễn Hữu H năm 1978, ông Nguyễn Hữu H chết năm 1984, cha chồng là cụ Nguyễn H chết năm 2011. Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1984. Những gì bà được hưởng từ chia thừa kế của chồng thì bà để lại hết cho 02 con.

Bà thống nhất với toàn bộ lời khai của 02 con của bà (Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị K) với tư cách là nguyên đơn đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Vụ án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử còn các giai đoạn khác từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng Điều 214, 224, BLDS 2005 nay là Điều 207, 219 BLDS 2015 chia tài sản chung; các Điều 674, 675, 676, 677 BLDS 2005 nay là các Điều 649, 650, 651, 652 BLDS 2015 chia thừa kế theo pháp luật.

Hiện nay ông Nguyễn Hữu H đã mất nên phần thừa kế của ông sẽ chuyển cho 02 người con là anh Nguyễn Hữu H và chị Nguyễn Thị K (thừa kế thế vị).

Đối với bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế và chia tài sản chung phần diện tích tương đối lớn nên bà Nguyễn Thị L nhận tài sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Đối với ông Nguyễn Hữu L thực tế đang quản lý sử dụng và đã tôn tạo, sang nền trên đất của cụ Cụ Nguyễn H để lại tại thửa đất số 02, nên ông Nguyễn Hữu L được tiếp tục quản lý, sử dụng và ông có nghĩa vụ thối lại tiền cho các đồng thừa kế khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại Tổ 03, Khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là vụ án "Chia di sản thừa kế và chia tài sản chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tòa đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp Nguyễn Thị L đến lần thứ 02 theo Điều 173 Bộ luật tô tụng Dân sự nhưng tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu L, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Cụ Nguyễn Thị C và bà Lê Thị Mỹ N. Vì vậy, tòa án xét xử vắng mặt những đương sự trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Năm 1975 gia đình cụ ông Nguyễn H khai hoang được tổng cộng 9.908,1m^2 (gồm: 200 m^2 đất thổ cư; 4643,6 m^2 đất vườn; 1807,2m^2 đất màu; 3257,3m^2 đất lúa) tại Tổ 03, Khu vực 8, phường B, thành phố Q đã được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 ngày 16/12/1997 cho hộ gia đình ông Nguyễn H gồm 05 nhân khẩu: ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị Mỹ N (theo biên bản xác minh ngày 15.02.2017 tại UBND phường B (BL 90)).

Ngày 19.5.2011 cụ Nguyễn H chết theo giấy chứng tử số 59/2011 của UBND phường B. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ phần đất của cụ ông Nguyễn H chết để lại (sau khi trừ phần đất cụ Cụ Nguyễn H đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Thái Công L và cháu Nguyễn Hữu P), không yêu cầu chia thừa kế tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 (do cụ cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C xây dựng năm 1975).

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L còn yêu cầu chia phần tài sản chung được hưởng bằng 1/5 diện tích đất đã cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn H trong đó có bà Nguyễn Thị L là thành viên trong hộ gia đình được cấp.

Để có chứng cứ giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa đã ra Quyết định yêu cầu ông Nguyễn Hữu L, cụ Nguyễn Thị C cung cấp bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Nguyễn Hữu L chỉ cung cấp bản photo còn cụ Nguyễn Thị C không cung cấp và Tòa cũng đã ra Quyết định yêu cầu các cơ quan lưu giữ cung cấp nhưng các cơ quan này không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15.02.2017 tại UBND phường B, hồ sơ cấp đất do UBND phường B cung cấp (quyết định cấp đất, tờ trình cấp đất, đơn xin cấp đất...) và sổ địa chính của UBND phường B nên có đủ căn cứ xác định hộ gia đình ông Nguyễn H được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 ngày 16/12/1997.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu L đưa ra 01 bản di chúc photo (BL72) và vợ chồng bà Nguyễn Thị L đưa ra 01 bản di chúc photo (BL74). Hình thức 02 bản di chúc này là di chúc bằng văn bản không có người làm chứng theo quy định tại Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 2005 "...Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 653 bộ luật này" nhưng 02 bản di chúc không thỏa mãn các điều kiện theo Điều 653 như: 02 di chúc không ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2006, theo quy định thì mỗi trang của di chúc phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc nhưng 02 tờ di chúc đều không có đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của cụ Cụ Nguyễn H tại mỗi trang của di chúc (mỗi di chúc có 02 trang), di chúc không ghi rõ vị trí nơi có di sản (tổ, khu vực và tứ cận). Hơn nữa, 02 bản di chúc photo có nội dung khác nhau cùng ghi năm 2006 nên không xác định được di chúc nào có trước để xác định nội dung sửa đổi và bổ sung cho nhau. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án tòa đã yêu cầu ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị L cung cấp bản gốc hoặc bản sao di chúc có công chứng nhưng ông Nguyễn Hữu L không chịu cung cấp, còn bà Nguyễn Thị L

khai bị thất lạc nên không cung cấp được cho tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì hình thức 02 bản di chúc photo trái với quy định của pháp luật nên không hợp pháp. Do đó, di sản thừa kế của cụ Nguyễn H được chia theo pháp luật cho các thừa kế là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế, cụ Nguyễn H chết ngày 19.5.2011, ngày 19.10.2014 các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị K (con cháu cụ Cụ Nguyễn H) khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Cụ Nguyễn H là Quyền sử dụng đất nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Cụ Nguyễn H vẫn còn.

[4] Những người thừa kế theo pháp luật: Cụ Cụ Nguyễn H (chết ngày 19.5.2011) có vợ lớn là cụ bà Đồng Thị C (chết năm 1961). Năm 1965 cụ ông Nguyễn H cưới mẹ kế là cụ bà Nguyễn Thị C (còn sống). Cụ Cụ Nguyễn H với cụ Còn có ba người con là: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964 và Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1953 (chết ngày 16.4.1984), ông Nguyễn Hữu H có hai người con là anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1984. Cụ Cụ Nguyễn H với cụ Nguyễn Thị C cũng có ba người con là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 thì cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị L là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cụ Nguyễn H. Ông Nguyễn Hữu H chết ngày 16.4.1984, ông Nguyễn Hữu H có hai người con là anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K Theo quy định tại Điều 677 Bộ luật dân sự năm 2005 thì anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K là người thừa kế thế vị đối với phần di sản của ông Nguyễn Hữu H nếu còn sống được hưởng. Như vậy, những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Cụ Nguyễn H là: cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị L và thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Hữu H là anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K.

[5] Theo biên bản xác minh ngày 15.02.2017 tại UBND phường B (BL 90) thì Đất thổ cư, đất vườn, đất màu, đất lúa tại các thửa 02, 03, 14, 15, 16, 19, 26 cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn H bao gồm 05 nhân khẩu: Cụ Nguyễn H, cụ Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị Mỹ N được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 ngày 16/12/1997 nên mỗi nhân khẩu được nhận 1/5 phần đất được cấp cho hộ gia đình. Theo kết quả đo đạc, định giá ngày 07/7/2017 của Tòa án sơ thẩm thì diện tích thực tế các thửa đất cấp cho hộ cụ Cụ Nguyễn H tổng cộng ***10.125m^2*** cụ thể: Thửa 02 diện tích 1.807,7m^2 đất màu; Thửa 03 diện tích 570m^2 đất lúa; Thửa 14 diện tích 1.158,5m^2 đất lúa; Thửa 15 diện tích 290,6m^2 đất lúa; Thửa 16 diện tích 4.931,5m^2 (trong đó: đất thổ cư 200m^2, đất vườn 4.731,5m^2); Thửa 19 diện tích 675,7m^2 đất lúa; Thửa 26 diện tích 691m^2 đất lúa. Nên mỗi nhân khẩu (trong đó có cụ Cụ Nguyễn H) được nhận diện tích ***2.025m^2*** (trong đó: đất thổ cư 40m^2; đất vườn 946,3m^2; đất màu 361,5m^2; đất lúa 677,16m^2). Tuy nhiên, lúc còn sống cụ Cụ

Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C có làm hợp đồng ngày 16/11/2001 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Thái Công L 300m^2 đất vườn và viết giấy ngày 22/7/2000 cho anh Nguyễn Hữu P 569,3m^2 đất ruộng cả hai loại giấy cho đất đều có xác nhận của UBND phường B, phù hợp với thực tế anh Nguyễn Hữu P và vợ chồng bà Nguyễn Thị L đã nhận phần đất đã cho và các bên đương sự đều thừa nhận việc cho đất là đúng còn những người khác chưa cho và cũng không có giấy tờ cho, nên phần tài sản cụ Cụ Nguyễn H đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Thái Công L là 150m^2 đất vườn và cho anh Nguyễn Hữu P là 284,7m^2 đất ruộng. Do đó, di sản của cụ Cụ Nguyễn H chết để lại là: ***10.125m^2/5- (150m^2 + 284,7m^2) = 1.590,4m^2 (trong đó: đất thổ cư 40m^2, đất vườn 796,3m^2, đất màu 361,6m^2, đất lúa 392,5m^2), có giá trị thành tiền là 542.041.200đồng*** (tính theo biên bản định giá đất thổ cư 2.000.000đ/m^2, đất vườn 370.000đ/m^2, đất màu và đất lúa 222.000đ/m^2).

Hàng thừa kế của cụ Cụ Nguyễn H gồm cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị K (thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Hữu H), tổng cộng chia làm 7 phần, mỗi kỷ phần được hưởng diện tích ***227,2m^2 (trong đó: đất thổ cư 5,71m^2, đất vườn 113,76m^2, đất màu 51,66m^2, đất lúa 56,07m^2) có giá trị thành tiền 77.434.457đồng***. Tuy nhiên, lúc còn sống cụ Cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Thái Công L 300m^2 đất vườn và cho anh Nguyễn Hữu P 569,3m^2, nhưng theo kết quả đo đạc, định giá ngày 07/7/2017 thì vợ chồng bà Nguyễn Thị L đã nhận 307,7m^2 dư 7,7m^2 đất vườn nên bà Nguyễn Thị L còn nhận thêm là 219,5m^2 và anh Nguyễn Hữu P đã nhận 570 m^2 dư 0,7m^2 nên anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K còn nhận thêm 226,5m^2.

[6] - Xét Bà Nguyễn Thị L được nhận thừa kế ***227,2m^2*** (giá trị thành tiền 77.434.457đồng) nhưng bà Nguyễn Thị L đã nhận trước 7,7m^2 nên còn nhận thêm phần thừa kế ***219,5m^2*** (trong đó: đất thổ cư 5,71m^2, đất vườn 106,1m^2, đất màu 51,66m^2, đất lúa 56,07m^2). Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L còn có yêu cầu chia tài sản chung. HĐXX xét thấy, bà Nguyễn Thị L là thành viên trong hộ gia đình cụ Nguyễn H, bà Nguyễn Thị L đã có gia đình và sống riêng với chồng từ năm 2000 và đã tách hộ từ năm 2010, nên yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 209 và Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên HĐXX chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L được nhận 1/5 quyền sử dụng đất chung cấp cho hộ gia đình, theo nhận định trên tại phần [5] thì diện tích đất bà Nguyễn Thị L được chia tài sản chung là ***2.025m^2*** (trong đó: đất thổ cư 40m^2; đất vườn 946,3m^2; đất màu 361,5m^2; đất lúa 677,16m^2) giá trị thành tiền 660.713.000đồng.

Do đó, tổng cộng bà Nguyễn Thị L được nhận từ chia thừa kế và chia tài sản chung là: ***2.244,5m^2*** (trong đó: đất thổ cư 45,7m^2; đất vườn 1.052,4m^2; đất màu 413,1m^2; đất lúa 733,3m^2) có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Đất màu 413,1m^2 bà Nguyễn Thị L nhận nằm tại thửa đất số 02, theo kết quả đo đạc, định giá ngày 07/7/2017 thì thửa đất 02 được vợ chồng ông Nguyễn Hữu L bà Lê Thị Mỹ N nâng nền cao 3,5m, đơn giá 75.000đồng/m^3(theo biên bản định

giá). Do đó, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu L giá trị nâng nền đất là 413,1m^2 x 3,5m x 75.000đồng/m^3 = **108.439.000đồng**.

- Xét Cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L mỗi người được nhận kỷ phần ***227,2m^2*** (trong đó: đất thổ cư 5,71m^2, đất vườn 113,76m^2, đất màu 51,66m^2, đất lúa 56,07m^2) thành tiền ***77.434.457đồng***. Riêng anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K được hưởng thừa kế thế vị phần của ông Nguyễn Hữu H nên mỗi người nhận ½ kỷ phần của ông Nguyễn Hữu H, nên anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K mỗi người được hưởng là 113,6m^2 (trong đó : đất thổ cư 2.85m^2, đất vườn 56,88m^2, đất màu 25,83m^2, đất lúa 28,03m^2) thành tiền 38.717.229đồng. HĐXX xét thấy mỗi kỷ phần bao gồm nhiều loại đất, trong đó đất ở mỗi người chỉ nhận 5,71m^2 không đủ diện tích để làm nơi sinh sống và tách thửa, đất vườn, đất màu, đất lúa là loại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nằm ở nhiều thửa và ở nhiều vị trí cách xa nhau không thể chia cùng 01 chỗ để sử dụng, nên nếu chia nhỏ sẽ làm giảm giá trị sử dụng đất và căn cứ theo *Điều 3, Điều 4 Quyết định 40/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định quy định đối với đất ở diện tích tối thiểu để tách thửa là 40m^2 và đối với đất nông nghiệp diện tích tối thiểu để tách thửa là 300m^2* nên không thể chia đất cho cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L và anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị K (thừa kế thế vị phần của ông Nguyễn Hữu H)

- Xét từ khi cụ Cụ Nguyễn H chết năm 2011 ông Nguyễn Hữu L là người trực tiếp canh tác sử dụng di sản của ông Nguyễn H để lại và trong thời gian quản lý sử dụng vợ chồng ông Nguyễn Hữu L cũng đã đổ đất nâng nền. Do đó HĐXX giao phần di sản còn lại của Cụ Cụ Nguyễn H cho ông Nguyễn Hữu L để ông Nguyễn Hữu L tiếp tục sử dụng là phù hợp và ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ thối lại giá trị bằng tiền cho các kỷ phần. Cụ thể: Ông Nguyễn Hữu L được nhận: ***1.362,5m^2*** (trong đó: đất thổ cư 34,2m^2; đất vườn 682,8m^2; đất màu 309,6m^2; đất lúa 335,9m^2) có sơ đồ bản vẽ kèm theo. Ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ thối lại cho các thừa kế cụ Nguyễn Thị C 77.434.457đồng, bà Nguyễn Thị Q 77.434.457đồng, bà Nguyễn Thị S 77.434.457đồng, bà Liên 77.434.457đồng, chị Nguyễn Thị K 38.717.229đồng, anh Nguyễn Hữu P 38.561.828đồng (anh Nguyễn Hữu P đã nhận 0,7m^2 đất vườn).

Ngoài ra, di sản cụ Cụ Nguyễn H để lại còn có ½ ngôi nhà cấp 4 trên đất do cụ Cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C xây dựng năm 1975, hiện nay do bà Nguyễn Thị C và vợ chồng ông Nguyễn Hữu L đang ở nhưng các đương sự không yêu cầu chia giá trị căn nhà, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về chi phí kiểm tra, đo đạc, định giá 23.000.000đồng, theo Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L mỗi người phải chịu 3.286.000đồng, anh Nguyễn Hữu P chịu 1.643.000đồng, chị Nguyễn Thị K chịu 1.643.000đồng. Anh Nguyễn Hữu P đã nộp tạm ứng 22.000.000đồng nên cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu P mỗi người 3.286.000đồng, chị Nguyễn Thị K

phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu P 1.643.000đồng, ông Thái Công L chồng bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng 1.000.000đồng nên bà Nguyễn Thị L còn phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu P 2.286.000đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Pháp Nguyễn Thị Lnh án phí, Nguyễn Thị L phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cụ Nguyễn Thị C phải chịu 3.872.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 3.872.000đồng, bà Nguyễn Thị Q đã nộp tạm ứng 1.324.000đồng theo biên lai thu số 01729 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 2.548.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu 3.872.000đồng, bà Nguyễn Thị S đã nộp tạm ứng 1.324.000đồng theo biên lai thu số 01730 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 2.548.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.872.000đồng.

- Ông Nguyễn Hữu L phải chịu 3.872.000đồng.

- Anh Nguyễn Hữu P phải chịu 2.000.000đồng, anh Nguyễn Hữu P đã nộp tạm ứng 662.000đồng theo biên lai thu số 01731 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 1.338.000đồng.

- Chị Nguyễn Thị K phải chịu 2.000.000đồng, chị Nguyễn Thị K đã nộp tạm ứng 662.000đồng theo biên lai thu số 01732 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 1.338.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.872.000đồng án phí thừa kế, chịu 30.428.000đồng án phí chia tài sản chung và chịu 5.422.000đồng án phí do trả tiền nâng nền cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu L bà Lê Thị Mỹ N. Tổng cộng bà Nguyễn Thị L phải chịu 39.722.000đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị miễn giảm án phí ngày 11/9/2017 được UBND phường B nơi bà Nguyễn Thị L cư trú xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình bà Nguyễn Thị L khó khăn, nên được giảm 50% án phí, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu 19.861.0000đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng 2.648.000đồng theo biên lai thu số 01728 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 17.213.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5, khoản 2,5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 652, 653, 655, 674, 675, 676, 677, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005

- Căn cứ các Điều 209, Điều 219, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Công nhận quyền sử dụng đất tại Tổ 3, khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định có diện tích 1.590,4m^2 (trong đó: đất thổ cư 40m^2, đất vườn 796,3m^2, đất màu 361,6m^2, đất lúa 392,5m^2) theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 ngày 16/12/1997 của UBND thành phố Q, trị giá 542.041.000đồng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H.

2/ Hai bản di chúc đứng tên cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị C không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2006 là di chúc không hợp pháp nên di sản của cụ Nguyễn H được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn H gồm: Cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu L và thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Hữu H (chết) là anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị K. Mỗi kỷ phần được nhận trị giá 77.434.000đồng. (riêng anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị K mỗi người nhận ½ kỷ phần).

3/ Giao cho ông Nguyễn Hữu L được nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.362,5m^2 (trong đó: đất thổ cư 34,2m^2; đất vườn 682,8m^2; đất màu 309,6m^2; đất lúa 335,9m^2) tọa lạc tại Tổ 3, khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định cụ thể như sau:

- Đất thổ cư và đất vườn diện tích 717 m^2 thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 62, có giới cận: Phía Đông giáp thửa số 01, phía Tây giáp thửa số 26, phía Nam giáp phần đất còn lại thửa số 16, phía Bắc giáp thửa số 14, 15. (có sơ đồ kèm theo).

- Đất màu diện tích 309,6m^2 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 68, có giới cận: Phía Đông giáp phần còn lại thửa số 02, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L thửa số 02, phía Nam giáp Quốc lộ, phía Bắc giáp thửa số 16. (có sơ đồ kèm theo)

- Đất lúa diện tích 335,9m^2 thuộc thửa đất số 26 tờ bản đồ số 68, có giới cận: Phía Đông giáp thửa số 16, phía Tây giáp giáp Quốc lộ, phía Nam giáp phần đất còn lại thửa số 26, phía Bắc giáp thửa số 15. (có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Hữu L thanh toán giá trị bằng tiền cho các thừa kế khác không nhận hiện vật gồm có: cụ Nguyễn Thị C 77.434.000đồng, bà Nguyễn Thị Q 77.434.000đồng, bà Nguyễn Thị S 77.434.000đồng, bà Nguyễn Thị Q 77.434.000đồng, chị Nguyễn Thị K 38.717.000đồng, anh Nguyễn Hữu P 38.561.000đồng (anh Nguyễn Hữu P đã nhận 0,7m^2 đất vườn)

4/ Giao bà Nguyễn Thị L được nhận thừa kế quyền sử dụng phần đất có diện tích 227,2m^2 (giá trị thành tiền 77.434.000đồng) nhưng bà Nguyễn Thị L đã nhận trước 7,7m^2 nên còn nhận thêm 219,5m^2 đất (trong đó: đất thổ cư 5,71m^2, đất vườn 106,1m^2, đất màu 51,66m^2, đất lúa 56,07m^2) tọa lạc tại Tổ 3, khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bà Nguyễn Thị L được chia tài sản chung là 2.025m^2 đất giá trị thành tiền 660.713.000đồng (trong đó: đất thổ cư 40m^2; đất vườn 946,3m^2; đất màu 361,5m^2; đất lúa 677,16m^2) bằng 1/5 diện tích quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn H tại Tổ 3, khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00326 do UBND thành phố Q cấp ngày 16/12/1997. Vì yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của bà Nguyễn Thị L được chấp nhận.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị L được nhận từ chia thừa kế và chia tài sản chung là: 2.244,5m^2 đất (trong đó: đất thổ cư 45,7m^2; đất vườn 1.052,4m^2; đất màu 413,1m^2; đất lúa 733,3m^2) tọa lạc tại Tổ 3, khu vực 8, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

- Đất thổ cư và đất vườn diện tích 1098,1m^2 thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 62, có giới cận: Phía Đông giáp thửa số 01, phía Tây giáp thửa số 3, 3A, phía Nam giáp phần đất bà Nguyễn Thị L đang sử dụng, phía Bắc giáp phần đất còn lại thửa số 16 (có sơ đồ kèm theo).

- Đất màu diện tích 413,1m^2 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 68, có giới cận: Phía Đông giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Hữu L thửa số 02, phía Tây giáp với đường đất, phía Nam giáp Quốc lộ, phía Bắc giáp thửa số 16. (có sơ đồ kèm theo)

- Đất lúa diện tích 733,3m^2 thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 63 và một phần thửa 14 tờ bản đồ số 62, có giới cận: Phía Đông giáp suối, phía Tây giáp phần đất còn lại thửa số 14, phía Nam giáp thửa số 01, phía Bắc giáp mương. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu L, bà Lê Thị Mỹ N giá trị nâng nền là 108.439.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

5/ Về chi phí kiểm tra, đo đạc, định giá 23.000.000đồng:

Cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L mỗi người phải chịu 3.286.000đồng, anh Nguyễn Hữu P chịu 1.643.000đồng, chị Nguyễn Thị K chịu 1.643.000đồng.

Anh Nguyễn Hữu P đã nộp tạm ứng 22.000.000đồng, nên cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, bà Liên, ông Nguyễn Hữu L phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu P mỗi người 3.286.000đồng, chị Nguyễn Thị K phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu P 1.643.000đồng, ông Thái Công L chồng bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng 1.000.000đồng nên bà Nguyễn Thị L còn phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu P 2.286.000đồng.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Nguyễn Thị C phải chịu 3.872.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 3.872.000đồng, bà Nguyễn Thị Q đã nộp tạm ứng 1.324.000đồng theo biên lai thu số 01729 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 2.548.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu 3.872.000đồng, bà Nguyễn Thị S đã nộp tạm ứng 1.324.000đồng theo biên lai thu số 01730 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 2.548.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.872.000đồng.

- Ông Nguyễn Hữu L phải chịu 3.872.000đồng.

- Anh Nguyễn Hữu P phải chịu 2.000.000đồng, anh Nguyễn Hữu P đã nộp tạm ứng 662.000đồng theo biên lai thu số 01731 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 1.338.000đồng.

- Chị Nguyễn Thị K phải chịu 2.000.000đồng, chị Nguyễn Thị K đã nộp tạm ứng 662.000đồng theo biên lai thu số 01732 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 1.338.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.872.000đồng án phí thừa kế, chịu 30.428.000đồng án phí chia tài sản chung và chịu 5.422.000đồng án phí do trả tiền nâng nên cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu L bà Lê Thị Mỹ N. Tổng cộng bà Nguyễn Thị L phải chịu 39.722.000đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị L được giảm 50% án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình bà Nguyễn Thị L khó khăn nên bà Nguyễn Thị L còn phải chịu 19.861.0000đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng 2.648.000đồng theo biên lai thu số 01728 ngày 27/11/2015 nên còn phải nộp thêm 17.213.000đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Minh Dũng

Nơi nhận:
-Các đương sự
-VKSND thành phố Q
-Lưu HS